BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1017/CYT-KHTC V/v thông báo số tạm giữ 10% dự toán chi thường xuyên 8 tháng cuối năm 2015	*Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2015*

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc

Thực hiện Công văn số 16453/BGTVT-TC ngày 10/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc thông báo số tiết kiệm 10% dự toán chi của tám tháng cuối năm 2015 theo văn bản số 5652/BTC-NSNN ngày 17/4/2015 của Bộ Tài chính, Cục Y tế GTVT thông báo số tạm giữ 10% dự toán chi thường xuyên 8 tháng cuối năm 2015 của các đơn vị theo phụ lục chi tiết đính kèm. Để thực hiện việc tạm giữ 10% dự toán chi thường xuyên 8 tháng cuối năm 2015 theo quy định, Cục Y tế GTVT yêu cầu các đơn vị thực hiện một số nội dung sau:

1. Căn cứ số tạm giữ 10% dự toán chi thường xuyên 8 tháng cuối năm 2015 tại văn bản này, các đơn vị làm việc với Kho bạc nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để thực hiện việc tạm giữ dự toán chi thường xuyên theo quy định.

2. Để có cơ sở đề nghị Bộ Giao thông vận tải quyết định điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước đối với số tạm giữ 10% chi thường xuyên 8 tháng cuối năm 2015, Cục Y tế GTVT yêu cầu các đơn vị rà soát, xác định số tạm giữ theo từng lĩnh vực chi (trong đó các định rõ số tiết kiệm từ chi thường xuyên/tự chủ và số tiết kiệm từ chi không thường xuyên/không tự chủ đảm bảo tổng số khớp đúng với số tiết kiệm theo lĩnh vực chi được thông báo tại văn bản này. Riêng đối với chi không thường xuyên/không tự chủ, các đơn vị phải xác định rõ số tiết kiệm theo từng nhiệm vụ chi).

Báo cáo các đơn vị gửi về Cục Y tế GTVT (qua Phòng Kế hoạch tài chính) trước ngày 14/12/2015.

(Gửi kèm theo bảo sao Công văn số 16453/BGTVT-TC ngày 10/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải)

Yêu cầu các đơn vị khẩn trương thực hiện./.

Nơi nhận: - Như trên; - Website Cục Y tế GTVT; - Lưu: VT, KHTC.	**CỤC TRƯỞNG** CỤC Y TẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI **Vũ Văn Triển**

PHỤ LỤC CHI TIẾT SỐ TẠM GIỮ 10% DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN 8 THÁNG CUỐI NĂM 2015

(Kèm theo Công văn số 1047../CYT-KHTC ngày ..11.../12.../2015 của Cục Y tế GTVT)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	Dự toán chi thường xuyên năm 2015	Tổng số tiền lương, phụ cấp năm 2015 theo mức lương cơ sở 1,15trđ/tháng	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên đã giao	Dự toán bố trí để thu hồi kinh phí ứng trước	Các khoản chi đặc thù	Các khoản chi thường xuyên đã thực hiện ký hợp đồng, đấu thầu tính đến 30/6/2015	Các khoản chi khác đơn vị kiến nghị không tiết kiệm	Kinh phí tạm giữ (10%)
1	2	A	B	C	D	E1	E2	E3	G=A - (B+C+D+E1+E2+E3)/12 x 8 x 0,1
A	**Chi thường xuyên theo lĩnh vực chi**	**132.334**	**85.417**	**1.120**	**0**		**37.952**		**69**
I	**Loại 220 - Khoản 231**	**100**	**0**	**0**	**0**		**0**		**7**
1	Văn phòng Cục	100							7
II	**Loại 280 - Khoản 281**	**2.900**	**0**	**0**	**0**		**2.900**		**0**
1	Văn phòng Cục	2.069					2.069		0
2	Bệnh viện GTVT Tháp Chàm	831					831		0
III	**Loại 370 - Khoản 373**	**655**	**0**	**0**	**0**		**655**		**0**
1	Trung tâm Bảo vệ SKLĐ và MT GTVT	655					655		0
IV	**Loại 490 - Khoản 504**	**14**	**0**	**0**	**0**		**14**		**0**
1	Văn phòng Cục	14					14		0
V	**Loại 460 - Khoản 463**	**3.088**	**1.915**	**14**	**0**		**236**		**62**
1	Văn phòng Cục	3.088	1.915	14			236		62
VI	**Loại 520 - Khoản 521**	**94.154**	**63.934**	**699**	**0**		**20.149**		**0**

1	2	A	B	C	D	E1	E2	E3	G=A - (B+C+D+E1+E2+E3)/12 x 8 x 0,1
1	Bệnh viện GTVT Trung ương	25.299							0
2	Bệnh viện GTVT Yên Bái	5.305	4.837	35			1.213		0
3	Bệnh viện GTVT Hải Phòng	7.677	7.555				1.450		0
4	Bệnh viện GTVT Vinh	10.472	13.472	60			3.440		0
5	Bệnh viện GTVT Đà Nẵng	10.052	9.086	165			3.635		0
6	Bệnh viện GTVT Nha Trang	4.277	3.552				1.100		0
7	Bệnh viện GTVT Tháp Chàm	4.822	3.709	100			1.500		0
8	Bệnh viện GTVT Tp Hồ Chí Minh	6.695	5.923				1.790		0
9	Bệnh viện GTVT Vĩnh Phúc	8.479	7.830	74			2.486		0
10	Bệnh viện GTVT Huế	9.076	7.970	265			3.535		0
11	Bệnh viện Nam Thăng Long	2.000							0
VII	**Loại 520 - Khoản 522**	**9.880**	**8.060**	**43**	**0**		**2.757**		**0**
1	Phòng khám GTVT Gia Lâm	3.577	2.724	10			990		0
2	Phòng khám GTVT Bắc Giang	3.426	2.592	33			1.167		0
3	Phòng khám GTVT Thanh Hóa	2.877	2.744				600		0
VIII	**Loại 520 - Khoản 524**	**10.392**	**6.479**	**120**	**0**		**4.980**		**0**

1	2	A	B	C	D	E1	E2	E3	G=A - (B+C+D+E1+E2+E3)/12 x 8 x 0,1
1	Trung tâm ĐD PHCN BNN Sầm Sơn	3.407	2.324	80			1.320		0
2	Trung tâm ĐD PHCN BNN Đà Lạt	1.187	1.062				300		0
3	Trung tâm ĐD PHCN BNN GT 4	5.798	3.093	40			3.360		0
IX	**Loại 520 - Khoản 526**	**11.151**	**5.029**	**244**	**0**		**6.261**		**0**
1	Trung tâm Y tế Đường bộ 2	4.328	2.545	1			1.954		0
2	Trung tâm Bảo vệ SKLĐ và MT GTVT	3.632	1.821	25			1.975		0
3	Trung tâm Giám định y khoa GTVT	3.191	663	218			2.332		0
B	**Chi chương trình mục tiêu quốc gia**	**100**	**0**	**0**	**0**		**0**		**0**
I	**Loại 520 - Khoản 523**	**100**	**0**	**0**	**0**		**0**		**0**
1	Văn phòng Cục	100							0
	Tổng cộng	**132.434**	**85.417**	**1.120**	**0**	**0**	**37.952**	**0**	**69**

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Số: 16953 /BGTVT- TC V/v: thông báo số tiết kiệm 10% dự toán chi của tám tháng cuối năm 2015 theo văn bản số 5652/BTC-NSNN ngày 17/4/2015 của Bộ Tài chính.	*Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2015*

HỎA TỐC

Kính gửi:

- Tổng cục Đường bộ Việt Nam; các Cục: Hàng hải Việt Nam, Hàng không Việt Nam, Đường sắt Việt Nam, Đường thủy nội địa Việt Nam, Quản lý xây dựng và chất lượng CTGT, Y tế GTVT, Đăng kiểm Việt Nam;
- Các trường đào tạo trực thuộc Bộ, Học viện Hàng không VN
- Viện Chiến lược và Phát triển GTVT;
- Viện Khoa học và Công nghệ GTVT;
- Văn phòng Bộ;
- Văn phòng Ủy ban An toàn Giao thông thông Quốc gia;
- Văn phòng Ủy ban an ninh hàng không dân dụng Quốc gia;
- Tạp chí GTVT; Trung Tâm công nghệ Thông tin.

Căn cứ văn bản số 5652/BTC-HCSN ngày 27/4/2015 về việc xác định số chi thường xuyên 8 tháng cuối năm 2015 tạm giữ lại;Văn bản số 14517/BTC-NSNN ngày 16/10/2015 về việc sử dụng kinh phí tạm giữ theo Chỉ thị số 06/CT-TTg của Bộ Tài chính, Bộ GTVT thông báo số tiết kiệm 10% dự toán chi của tám tháng cuối năm 2015 của các cơ quan, đơn vị như *phụ lục số 01, 02* đính kèm.

Căn cứ thông báo số tiết kiệm 10% dự toán chi của tám tháng cuối năm 2015 nêu trên, Bộ GTVT yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện các nội dung sau:

1. Các đơn vị dự toán cấp III trực thuộc bộ căn cứ thông báo này làm việc với Kho bạc để thực hiện tạm giữ theo quy định. Các đơn vị dự toán cấp II có trách nhiệm thông báo tới các đơn vị dự toán cấp III trực thuộc để các đơn vị cấp III trực thuộc làm việc với Kho bạc để tạm giữ theo quy định.

2. Để có cơ sở ban hành quyết định điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước số tiết kiệm 10% dự toán chi của tám tháng cuối năm 2015 cho các cơ quan, đơn vị theo thông báo tại văn bản này, Bộ GTVT yêu cầu các cơ quan, đơn vị căn cứ tình hình tiết kiệm thực tế của đơn vị mình rà soát, xác định số tiết kiệm 10% dự toán chi của tám tháng cuối năm 2015 cụ thể theo từng lĩnh vực

chi (trong đó xác định rõ số tiết kiệm từ chi thường xuyên/tự chủ và số tiết kiệm từ chi không thường xuyên/không tự chủ đảm bảo tổng số khớp đúng với số tiết kiệm theo lĩnh vực chi được thông báo tại văn bản này. Riêng đối với chi không thường xuyên/không tự chủ, các cơ quan, đơn vị phải xác định rõ số tiết kiệm theo từng nhiệm vụ chi). Các đơn vị dự toán cấp II có trách nhiệm tổng hợp báo cáo của các đơn vị dự toán cấp III trực thuộc báo cáo Bộ GTVT.

Báo cáo gửi về Bộ GTVT (qua Vụ Tài chính) và qua thư điện tử: *hanhhx@mt.gov.vn* **trước ngày 14/12/2015.**

Bộ GTVT yêu cầu các cơ quan, đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- KBNN Trung ương;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Lưu VT, TC (Hanh)

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Nguyễn Hồng Trường

Phụ lục 01

SỐ TIẾT KIỆM DỰ TOÁN CHI 10% TÁM THÁNG CUỐI NĂM 2015 CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC BỘ GTVT

(Kèm theo Văn bản số .16453../BGTVT-TC ngày 10 / 12 / .2015.. của Bộ BGTVT)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán chi thường xuyên được NSNN giao năm 2015	Tổng số tiền lương năm 2015 theo mức lương 1.150.000 đồng	Số tiết kiệm 10% đã giao đầu năm	Các khoản bố trí trong dự toán chi NSNN đã giao để thu hồi kinh phí ứng trước	Các khoản chi đặc thù	Các khoản chi thường xuyên đã thực hiện ký kết hợp đồng, đấu thầu tính đến 30/6	Các khoản chi khác đơn vị kiến nghị không tiết kiệm	Kinh phí đăng ký tạm giữ lại (10%)
		A	B	C	D	E		E3	(A-B-C-D-E-E1-E2-E3)x0,1x8/12
	TỔNG SỐ	**1.099.941**	**682.281**	**4.762**	**0**	**104.662**	**213.304**	**2.544**	**7.529**
I	**Loại: 220-227: SNKT Hàng không**	**24.717**	**0**	**0**	**0**	**12.278**	**0**	**0**	**829**
1	Văn phòng Cục Hàng không Việt Nam	11.579					-		772
2	Văn phòng TT UBAN dân dụng HKVN	13.138				12.278	-		57
II	**Loại: 220-231: SNKT khác**	**24.932**	**3.000**	**392**	**0**	**3.163**	**15.542**	**0**	**189**
1	Trung tâm Công nghệ thông tin	6.006	1.948	372		2.900	-		52
2	Trung tâm Thông tin an ninh hàng hải	1.542	1.052	20		263	180		2
3	Viện Chiến lược và Phát triển GTVT	2.515					2.515		-
4	Văn phòng Tổng Cục đường bộ Việt Nam	5.410					5.410		-
5	Văn phòng Cục Hàng không Việt Nam	5.242					5.242		-
6	Văn phòng Cục Đường sắt Việt Nam	4.217					2.195		135
III	**Loại: 220-231: SN an toàn giao thông**	**62.070**	**0**	**0**	**0**	**5.638**	**30.675**	**0**	**1.717**
1	Trung tâm Công nghệ thông tin	1.000					-		67
2	Văn phòng Bộ Giao thông Vận tải	9.729				3.429	-		420
3	Trường Đại học GTVT thành phố HCM	300					300		-
4	Văn phòng TT Uỷ ban ATGT Quốc gia	41.420					25.825		1.040
5	Văn phòng Cục Đường thủy nội địa VN	2.209				2.209	-		-
6	Văn phòng Cục QL đường bộ III	50					50		-
7	Văn phòng Tổng Cục đường bộ Việt Nam	3.000					3.000		-
8	Văn phòng Cục Hàng Hải Việt Nam	1.200					1.200		-

TT	Nội dung	Dự toán chi thường xuyên được NSNN giao năm 2015	Tổng số tiền lương năm 2015 theo mức lương 1.150.000 đồng	Số tiết kiệm 10% đã giao đầu năm	Các khoản bố trí trong dự toán chi NSNN đã giao để thu hồi kinh phí ứng trước	Các khoản chi đặc thù	Các khoản chi thường xuyên đã thực hiện ký kết hợp đồng, đấu thầu tính đến 30/6	Các khoản chi khác đơn vị kiến nghị không tiết kiệm	Kinh phí đăng ký tạm giữ lại (10%)
9	Văn phòng Cục Hàng không Việt Nam	1.197					-		80
10	Văn phòng Cục Quản lý đường bộ I	100					100		-
11	Cục quản lý đường bộ cao tốc	200					200		-
12	Văn phòng Cục Đường sắt Việt Nam	1.665					-		111
IV	**Loại: 220-231: SN tìm kiếm cứu nạn**	**190.830**	**119.136**	**1.106**	**0**	**25.150**	**33.634**	**0**	**787**
1	Văn phòng Bộ Giao thông Vận tải	2.300				900	-		93
2	Văn phòng Cục Y tế Giao thông vận tải	100					-		7
3	Văn phòng Tổng Cục đường bộ Việt Nam	320					320		-
4	Văn phòng Cục Hàng Hải Việt Nam	4.290				4.000	290		-
5	Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam	183.220	119.136	1.106		20.000	33.024		664
6	Văn phòng Cục Hàng không Việt Nam	450				250	-		13
7	Văn phòng Cục Đường sắt Việt Nam	150					-		10
V	**Loại: 280-281: SN môi trường**	**5.126**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4.100**	**0**	**68**
1	Văn phòng Cục Đường sắt Việt Nam	100					-		7
2	Trường Cao đẳng GTVT 3	600					600		-
3	Văn phòng Bộ Giao thông Vận tải	750					-		50
4	Trường Đại học GTVT thành phố HCM	300					300		-
5	Văn phòng Cục Đường thủy nội địa VN	300					300		-
6	Bệnh viện Giao thông vận tải Tháp Chàm	831					831		-
7	Văn phòng Cục Hàng không Việt Nam	176					-		12
8	Văn phòng Cục Y tế Giao thông vận tải	2.069					2.069		
VI	**Loại: 370-373: SN NCKH**	**33.937**	**12.109**	**0**	**0**	**14.863**	**400**	**0**	**438**
1	Trung tâm Công nghệ thông tin	120					-		8
2	Văn phòng Bộ Giao thông Vận tải	1.450				720	-		49
3	Viện Chiến lược và Phát triển GTVT	11.982	5.795			3.696	400		139
4	Viện Khoa học và Công nghệ GTVT	18.980	6.314			9.592	-		205

TT	Nội dung	Dự toán chi thường xuyên được NSNN giao năm 2015	Tổng số tiền lương năm 2015 theo mức lương 1.150.000 đồng	Số tiết kiệm 10% đã giao đầu năm	Các khoản bố trí trong dự toán chi NSNN đã giao để thu hồi kinh phí ứng trước	Các khoản chi đặc thù	Các khoản chi thường xuyên đã thực hiện ký kết hợp đồng, đấu thầu tính đến 30/6	Các khoản chi khác đơn vị kiến nghị không tiết kiệm	Kinh phí đăng ký tạm giữ lại (10%)
5	Văn phòng Cục Đường thủy nội địa VN	1.405				855	-		37
VII	**Loại: 460-463: Chi hành chính**	**275.246**	**185.861**	**1.169**	**0**	**38.874**	**14.092**	**1.544**	**2.247**
1	Văn phòng Cục Đường sắt Việt Nam	19.001	10.186	55		3.105	-		377
2	Chi cục QLXD và CLCTGT phía Nam	1.091	741				-		23
3	Cục QLXD và chất lượng CTGT	6.892	5.829				-		71
4	Văn phòng Bộ Giao thông Vận tải	61.155	34.923	310		24.642	-		85
5	Văn phòng TT Uỷ ban ATGT Quốc gia	1.561	1.006				-		37
6	Văn phòng Cục Đường thủy nội địa VN	14.740	9.660	385		1.350	3.212		9
7	Văn phòng Cục Y tế Giao thông vận tải	3.088	1.915	14			236		62
8	Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam	6.337	4.985	40			912		27
9	Văn phòng Cục QL đường bộ IV	7.205	5.886				471		56
10	Văn phòng Cục QL đường bộ III	6.021	4.770				564		46
11	Văn phòng Tổng Cục đường bộ Việt Nam	24.644	16.391			5.119	600		169
12	Văn phòng Cục Hàng Hải Việt Nam	22.363	11.292	274		3.020	3.609	1.544	175
13	Chi cục Hàng hải Việt Nam tại TPHCM	1.372	804	5		146	150		18
14	Văn phòng Cục Hàng không Việt Nam	23.667	15.699	66		990	1.517		360
15	Chi cục Hàng hải Việt Nam tại Hải Phòng	1.383	736	5		382	145		8
16	Chi cục Đường thuỷ nội địa phía Bắc	7.706	6.721	15		120	298		37
17	Cục Quản lý Xây dựng đường bộ	5.107	4.705				140		17
18	Văn phòng Thường trực Ủy ban An ninh dân dụng hàng không Việt Nam	1.389	1.104				-		19
19	Văn phòng Cục QL đường bộ II	8.357	5.968				1.321		71
20	Chi cục QLĐB II.1	1.658	1.210				-		30
21	Chi cục QLĐB II.2	2.180	1.779				-		27
22	Chi cục QLĐB II.3	1.770	1.563				-		14
23	Chi cục QLĐB II.4	1.789	1.517				-		18
24	Chi cục QLĐB II.5	1.372	1.143				-		15

TT	Nội dung	Dự toán chi thường xuyên được NSNN giao năm 2015	Tổng số tiền lương năm 2015 theo mức lương 1.150.000 đồng	Số tiết kiệm 10% đã giao đầu năm	Các khoản bố trí trong dự toán chi NSNN đã giao để thu hồi kinh phí ứng trước	Các khoản chi đặc thù	Các khoản chi thường xuyên đã thực hiện ký kết hợp đồng, đấu thầu tính đến 30/6	Các khoản chi khác đơn vị kiến nghị không tiết kiệm	Kinh phí đăng ký tạm giữ lại (10%)
25	Chi cục QLĐB II.6	1.419	1.142				-		18
26	Chi Cục Quản lý đường bộ IV.1	1.904	1.581				-		22
27	Chi Cục Quản lý đường bộ IV.2	1.853	1.530				-		22
28	Chi Cục Quản lý đường bộ IV.3	1.477	1.192				-		19
29	Chi Cục Quản lý đường bộ IV.4	1.533	1.248				-		19
30	Chi Cục Quản lý đường bộ IV.5	1.559	1.236				-		22
31	Chi Cục Quản lý đường bộ IV.6	1.589	1.335				-		17
32	Chi Cục Quản lý đường bộ IV.7	1.590	1.324				-		18
33	Văn phòng Cục Quản lý đường bộ I	7.838	6.077				837		62
34	Chi cục QLĐB I.1	1.684	1.468				-		14
35	Chi cục QLĐB I.2	901	749				-		10
36	Chi cục QLĐB I.3	1.231	1.003				-		15
37	Chi cục QLĐB I.4	1.519	1.234				-		19
38	Chi cục QLĐB I.5	1.838	1.477				-		24
39	Chi cục QLĐB I.6	1.951	1.659				-		19
40	Chi cục QLĐB I.7	1.582	1.361				-		15
41	Chi cục QLĐB I.8	1.512	1.208				-		20
42	Chi Cục Quản lý đường bộ III.1	2.145	1.828				-		21
43	Chi Cục Quản lý đường bộ III.2	1.390	1.193				-		13
44	Chi Cục Quản lý đường bộ III.3	1.987	1.598				-		26
45	Chi Cục Quản lý đường bộ III.4	1.834	1.439				-		26
46	Chi Cục Quản lý đường bộ III.5	1.490	1.238				-		17
47	Cục quản lý đường bộ cao tốc	1.574	1.209				80		19
VIII	**Sự nghiệp Đào tạo**	**377.604**	**275.292**	**989**	**0**	**4.696**	**77.364**	**1.000**	**1.218**
	Loại: 490-497	**18.444**	**14.578**	**30**	**0**	**0**	**2.220**	**0**	**108**
1	Trường Trung cấp GTVT miền Nam	7.598	6.319	30			1.170		5
2	Trường Trung cấp GTVT miền Bắc	10.846	8.259				1.050		102

TT	Nội dung	Dự toán chi thường xuyên được NSNN giao năm 2015	Tổng số tiền lương năm 2015 theo mức lương 1.150.000 đồng	Số tiết kiệm 10% đã giao đầu năm	Các khoản bố trí trong dự toán chi NSNN đã giao để thu hồi kinh phí ứng trước	Các khoản chi đặc thù	Các khoản chi thường xuyên đã thực hiện ký kết hợp đồng, đấu thầu tính đến 30/6	Các khoản chi khác đơn vị kiến nghị không tiết kiệm	Kinh phí đăng ký tạm giữ lại (10%)
	Loại: 490-498	**6.368**	**4.928**	**15**	**0**	**0**	**855**	**0**	**38**
3	Trường Trung cấp nghề Cơ giới ĐB	6.368	4.928	15			855		38
	Loại: 490-501	**220.819**	**163.347**	**773**	**0**	**0**	**45.763**	**1.000**	**662**
4	Trường Cao đẳng GTVT 3	23.437	18.057	86			4.274		68
5	Trường Cao đẳng nghề GTVT TW 3	20.918	15.760				3.500		111
6	Trường Cao đẳng nghề GTVT TW 2	22.807	17.589				3.300		128
7	Trường Cao đẳng nghề GTVT TW 1	21.067	16.196	100			3.400	1.000	25
8	Trường Cao đẳng nghề GTVT Đường thủy II	15.824	11.722				3.300		53
9	Trường Cao đẳng nghề GTVT Đường thủy I	21.214	15.682				5.000		35
10	Trường Cao đẳng GTVT miền Trung	16.704	12.896				3.400		27
11	Trường Cao đẳng Hàng hải I	25.945	17.091	100			8.100		44
12	Trường CĐ nghề Hàng hải TP HCM	23.924	15.890	392			6.825		54
13	Trường Cao đẳng GTVT 2	28.979	22.464	95			4.664		117
	Loại: 490-502	**123.082**	**87.388**	**171**	**0**	**3.696**	**25.926**	**0**	**393**
14	Trường Đại học công nghệ GTVT	66.288	50.517	74		249	14.626		55
15	Trường Đại học GTVT thành phố HCM	43.649	28.594	97		3.447	10.450		71
16	Học viện Hàng không việt Nam	13.145	8.277				850		268
	Loại: 490-504	**8.891**	**5.051**	**0**	**0**	**1.000**	**2.600**	**0**	**16**
17	Trường Cán bộ quản lý GTVT	8.891	5.051			1.000	2.600		16
IX	**Sự nghiệp Y tế**	**105.479**	**86.883**	**1.106**	**0**	**0**	**37.497**	**0**	**36**
	Loại: 520-521	**66.855**	**63.934**	**699**	**0**	**0**	**20.149**	**0**	**0**
1	Bệnh viện Giao thông vận tải Vĩnh Phúc	8.479	7.830	74			2.486		
2	Bệnh Viện Giao thông Vận tải Yên Bái	5.305	4.837	35			1.213		-
3	Bệnh viện Giao thông vận tải Hải Phòng	7.677	7.555				1.450		-
4	Bệnh viện Giao thông vận tải Vinh	10.472	13.472	60			3.440		

TT	Nội dung	Dự toán chi thường xuyên được NSNN giao năm 2015	Tổng số tiền lương năm 2015 theo mức lương 1.150.000 đồng	Số tiết kiệm 10% đã giao đầu năm	Các khoản bố trí trong dự toán chi NSNN đã giao để thu hồi kinh phí ứng trước	Các khoản chi đặc thù	Các khoản chi thường xuyên đã thực hiện ký kết hợp đồng, đấu thầu tính đến 30/6	Các khoản chi khác đơn vị kiến nghị không tiết kiệm	Kinh phí đăng ký tạm giữ lại (10%)
6	Bệnh viện Giao thông vận tải Tháp Chàm	4.822	3.709	100			1.500		
7	Bệnh viện Giao thông vận tải Đà Nẵng	10.052	9.086	165			3.635		
8	Bệnh viện Giao thông vận tải Nha Trang	4.277	3.552				1.100		
9	Bệnh viện Giao thông vận tải Huế	9.076	7.970	265			3.535		
10	Bệnh Viện Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh	6.695	5.923				1.790		
	Loại: 520-522	**9.880**	**8.060**	**43**	**0**	**0**	**2.757**	**0**	**0**
11	Phòng khám Đa khoa Giao thông vận tải Bắc Giang	3.426	2.592	33			1.167		
12	Phòng khám Đa khoa Giao thông vận tải Gia Lâm	3.577	2.724	10			990		
13	Phòng khám Đa khoa Giao thông vận tải Thanh Hoá	2.877	2.744				600		
	Loại: 520-524	**10.392**	**6.479**	**120**	**0**	**0**	**4.980**	**0**	**0**
14	Trung tâm Điều dưỡng phục hồi chức năng bệnh nghề nghiệp Đà Lạt	1.187	1.062				300		
15	Trung tâm Phục hồi chức năng bệnh nghề nghiệp Sầm Sơn Thanh Hoá	3.407	2.324	80			1.320		
16	Trung tâm Phục hồi chức năng - Bệnh nghề nghiệp Giao thông 4 Cửa Lò	5.798	3.093	40			3.360		
	Loại: 520-526	**18.352**	**8.410**	**244**	**0**	**0**	**9.611**	**0**	**36**
17	Trung tâm Y tế Đường Bộ 2	4.328	2.545	1			1.954		
18	Trung tâm Y tế Hàng không	7.273	3.381				3.350		36
19	Trung tâm Bảo vệ sức khoẻ lao động và môi trường Giao thông vận tải	3.632	1.821	25			1.975		
20	Trung tâm Giám định Y Khoa GTVT	3.119	663	218			2.332		

Phụ lục 02

ĐĂNG KÝ TIÊU TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA 8 THÁNG CUỐI NĂM 2015 TẠM GIỮ LẠI CỦA BỘ GTVT

(Kèm theo Văn bản số ..... /BGTVT-TC ngày ..... / ..... / ..... của Bộ BGTVT)

Đơn vị tính : Triệuđồng

TT	Nội dung	Dự toán ngân sách 2015 được giao	Kinh phí bố trí cho các nhiệm vụ chi đoàn ra, hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, chi tham quan, học tập	Kinh phí đăng ký tạm giữ lại (10%)
		A	B	Bx0,1*8/12
I	**Loại: 220 - 231**			
	Tổng cộng	**4.880**	**368**	**25**
1	**Viện Chiến lược và Phát triển GTVT**	**1.200**	**45**	**3**
1.1	CTMT tiết kiệm năng lượng	400	30	2
1.2	CTMT ứng phó biến đổi khí hậu	800	15	1
2	**Văn phòng Cục Đường sắt Việt Nam**	**200**	**15**	**1**
2.1	CTMT tiết kiệm năng lượng	200	15	1
3	**Đại học GTVT TP Hồ Chí Minh**	**500**	**58**	**4**
3.1	CTMT tiết kiệm năng lượng	500	58	4
4	**Đại học Hàng hải Việt Nam**	**2.980**	**250**	**17**
4.1	CTMT tiết kiệm năng lượng	2.980	250	17